

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1409/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 5650/TTr-BKHĐT ngày 28 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu

tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT; các Vụ: KTTH, KGVX, CN, NN, NC, PL, QHQT, TH;
- Lưu: VT, QHĐP (3b) S.Tùng.

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)*

Nghị quyết số 120/2020/QH14 về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Chương trình) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 9 ngày 19 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Để triển khai việc thực hiện Chương trình bảo đảm thống nhất, kịp thời và hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14 đảm bảo đồng bộ, kịp thời, thống nhất, hiệu quả.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14.

2. Yêu cầu

- Xây dựng tiến độ cụ thể thực hiện các nhiệm vụ theo đúng các nội dung của Nghị quyết số 120/2020/QH14, bảo đảm việc thực hiện Nghị quyết nghiêm túc, hiệu quả và đúng mục tiêu của Chương trình đã được Quốc hội thông qua.

- Xác định nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14 ở Trung ương và địa phương.

- Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các Bộ, ngành trung ương và địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14.

II. NỘI DUNG

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là các Bộ, cơ quan Trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định tại Nghị quyết số 120/2020/QH14, Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, khẩn trương triển khai các nhiệm vụ được giao tại các Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

2. Rà soát, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình theo quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và quy định pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan đến quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo các cấp trong quá trình triển khai, thực hiện Chương trình đảm bảo đúng mục tiêu đã được phê duyệt.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng các Bộ, cơ quan Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành và địa phương chủ động, tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch này và các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội theo nhiệm vụ được phân công, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

2. Các Bộ, cơ quan Trung ương được giao chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Ủy ban Dân tộc khẩn trương hoàn thiện các nội dung liên quan đến việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư Chương trình; xây dựng tiêu chí, định mức, nguyên tắc phân bổ vốn Chương trình trung hạn và hằng năm; rà soát, bổ sung

và xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc tổ chức điều hành, thực hiện các nội dung của Chương trình liên quan đến ngành, lĩnh vực được phân công quản lý; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí tuyên truyền tạo sự đồng thuận trong xã hội, nhân dân về triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội và các văn bản liên quan đến quản lý, điều hành thực hiện Chương trình.

4. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Chương trình theo quy định tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ phạm vi quản lý, chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền, tổ chức kiện toàn bộ máy Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ở phạm vi địa phương theo quy định và các văn bản hướng dẫn liên quan; xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn; ban hành các văn bản liên quan đến chỉ đạo điều hành, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình ở địa phương; nghiên cứu, ban hành các cơ chế chính sách, giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Phụ lục I
DANH MỤC NHIỆM VỤ TỔNG KẾT CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
ĐANG THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình
1	2	3	4	5	6
I	Tổng kết thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Quý III/2020	Thủ tướng Chính phủ
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Quý III/2020	Thủ tướng Chính phủ
II	Tổng kết thực hiện các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020				
1	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ

2	Chương trình mục tiêu Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
3	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
4	Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
5	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
6	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
7	Chương trình mục tiêu Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
8	Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ

9	Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
10	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
11	Chương trình mục tiêu Đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
12	Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
13	Chương trình mục tiêu Phát triển hạ tầng du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
14	Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
15	Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
16	Chương trình mục tiêu Xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ

17	Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
18	Chương trình mục tiêu Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy	Bộ Công an	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
19	Chương trình mục tiêu Công nghiệp quốc phòng thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ Chính trị (gọi tắt là CNQP-06/BCT)	Bộ Quốc phòng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
20	Chương trình mục tiêu Quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Quốc phòng; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
21	Chương trình mục tiêu Biển Đông - Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo	Bộ Quốc phòng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ

Phụ lục II

**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 120/2020/QH14 CỦA QUỐC HỘI**

(Kèm theo Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình
1	2	3	4	5	6
1	Xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trong đó gồm các giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn đầu tư cho Chương trình và bộ chỉ số theo dõi thực hiện (quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ); dự thảo Quyết định đầu tư Chương trình của Thủ tướng Chính phủ	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
2	Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước; chủ trì thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư Chương trình mục tiêu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban Dân tộc, các Bộ, ngành, cơ quan liên quan	Trong vòng 60 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ báo cáo khả thi	Thủ tướng Chính phủ

	quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030				
3	Đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2030 (bảo đảm cơ chế đặc thù trong tổ chức quản lý, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các Bộ, ngành, địa phương	Quý IV/2020	Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ
4	Tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chương trình	Tháng 10/2020	Thủ tướng Chính phủ
5	Tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
6	Xây dựng tiêu chí, định mức, nguyên tắc phân bổ vốn thực hiện Chương trình trong trung hạn và hằng năm	Ủy ban Dân tộc	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ ngành địa phương thực hiện Chương trình	Quý IV/2020	Thủ tướng Chính phủ
7	Báo cáo hằng năm, giữa kỳ về kết quả thực hiện Chương trình theo quy chế quản lý điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chương trình	Theo quy chế quản lý Chương trình MTQG	Thủ tướng Chính phủ

8	Báo cáo hằng năm, giữa kỳ để báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Chương trình vào kỳ họp cuối năm theo quy chế quản lý điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chương trình	Theo quy chế quản lý Chương trình MTQG	Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ
9	Báo cáo đánh giá 5 năm kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn I (2021-2025)	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chương trình	Quý II/2025	Thủ tướng Chính phủ
10	Tổng hợp báo cáo đánh giá 5 năm kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn I (2021-2025) trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chương trình	Quý III/2025	Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ
11	Kiện toàn tổ chức bộ máy Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn	Các địa phương thực hiện Chương trình	Ủy ban Dân tộc	Quý IV/2020	Cấp có thẩm quyền tại địa phương